

Số: 85/KHCM-MQ2

Mỹ Quới, ngày 19 tháng 9 năm 2024

## KẾ HOẠCH CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2024-2025

- Căn cứ Quyết định số 1828/QĐ-UBND, ngày 08/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Thực hiện Công văn số 857/PGDĐT, ngày 16/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thị xã Ngã Năm về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Căn cứ kế hoạch số 81/KH-THMQ2 ngày 17 tháng 9 năm 2024 về việc thực hiện kế hoạch giáo dục trường Mỹ Quới 2 năm học 2024-2025;

- Căn cứ vào những thành tích đã đạt được trong năm học 2023-2024 và tình hình thực tế của nhà trường, Chuyên môn trường Tiểu học Mỹ Quới 2 xây dựng kế hoạch năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

### **A. NHẬN ĐỊNH CHUNG**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

##### **1. Điểm mạnh**

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát các cấp đặc biệt là sự đầu tư của UBND thị xã Ngã Năm và phòng GD&ĐT xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, cơ sở vật chất từng bước được ổn định.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy và UBND xã Mỹ Quới, sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các ban ngành đoàn thể chính quyền địa phương và các đoàn thể trong nhà trường tạo điều kiện, thúc đẩy hoạt động dạy và học trong nhà trường.

Các cấp chính quyền, lực lượng đoàn thể tích cực tuyên truyền vận động học sinh ra lớp.

Cơ sở vật chất nhà trường: Trường có đủ phòng học và bàn ghế cho học sinh đảm bảo 1 lớp/phòng đáp ứng nhu cầu học hiện nay.

Đội ngũ giáo viên năng động, nhiệt tình, yêu thích và có tâm huyết với nghề.

Phụ huynh có quan tâm và ý thức hơn trong việc đưa con học sinh đến trường sớm và đúng ngày nhập học.

Trường đã mở được 10/10 lớp dạy 2 buổi /ngày với tổng số học sinh 191 em nữ 80, Dân tộc 35 nữ dân tộc 20

Giao thông thuận lợi có lộ bê tông đến trường.

##### **2. Điểm yếu**

Chất lượng đội ngũ không đồng đều qua nhiều hình thức đào tạo, giáo viên lớn tuổi.

Giáo viên nhiệt tình nhưng chưa có kinh nghiệm nên khó khăn triển khai các hoạt động dạy học.

Địa bàn trường thuộc vùng nông thôn sâu, vùng đồng bào dân tộc. Nhân dân trong địa bàn sống chủ yếu bằng nghề nông độc canh cây lúa, đa phần là học sinh con gia đình nghèo, dụng cụ học tập học sinh không được trang bị đầy đủ từ đó dẫn đến trình độ học sinh trong lớp học cũng không đều nhau làm cho người dạy khó dạy.

## II. QUY MÔ HỆ THỐNG TRƯỜNG - LỚP

1. Tổng số cán bộ công nhân viên chức:

Tổng số CB, GV, CNV là 22 Nữ 07; Dân tộc 03. Trong đó

Biên chế: 21; hợp đồng 01

+ BGH: 02

+ GVCN: 10

+ GVCT: 06

+ TPT: 01

+ CNV: 03

Trình độ chuyên môn của giáo viên:

Trình độ chuyên môn chuẩn của giáo viên là 18/18 đạt tỉ lệ 100%.

CNV: 03 trong đó 01 đại học; 01 trung cấp; TNC3 01

Trung cấp chính trị: 03

2. Tổng số học sinh: 191 em/10 lớp.

| III. | Học sinh                           | Tổng số |    |                  |    | Công lập |    |                  |    |
|------|------------------------------------|---------|----|------------------|----|----------|----|------------------|----|
|      |                                    | Tổng số | Nữ | Dân tộc thiểu số |    | Tổng số  | Nữ | Dân tộc thiểu số |    |
|      |                                    |         |    | Tổng             | Nữ |          |    | Tổng             | Nữ |
|      | A                                  | 1       | 2  | 3                | 4  | 5        | 6  | 7                | 8  |
| 3.1. | <b>Tổng quy mô</b>                 | 191     | 79 | 35               | 20 | 191      | 79 | 35               | 20 |
| 3.2. | <b>Quy mô chia theo vùng:</b>      | 191     | 79 | 35               | 20 | 191      | 79 | 35               | 20 |
|      | - Trung du, đồng bằng, thành phố   | 191     | 79 | 35               | 20 | 191      | 79 | 35               | 20 |
|      | - Miền núi vùng sâu, hải đảo       |         |    |                  |    |          |    |                  |    |
| 3.3. | <b>Quy mô chia ra theo lớp</b>     | 191     | 79 | 35               | 20 | 191      | 79 | 35               | 20 |
|      | - Học sinh lớp 1                   | 28      | 9  | 4                | 2  | 28       | 9  | 4                | 2  |
|      | - Học sinh lớp 2                   | 42      | 14 | 5                | 4  | 42       | 14 | 5                | 4  |
|      | - Học sinh lớp 3                   | 38      | 19 | 9                | 6  | 38       | 19 | 9                | 6  |
|      | - Học sinh lớp 4                   | 39      | 19 | 7                | 4  | 39       | 19 | 7                | 4  |
|      | - Học sinh lớp 5                   | 44      | 18 | 10               | 4  | 44       | 18 | 10               | 4  |
| 3.4. | <b>Quy mô chia ra theo độ tuổi</b> | 191     | 79 | 35               | 20 | 191      | 79 | 35               | 20 |
|      | - Dưới 6 tuổi                      |         |    |                  |    |          |    |                  |    |
|      | - 6 tuổi                           | 24      | 9  | 4                | 2  | 24       | 9  | 4                | 2  |
|      | - 7 tuổi                           | 42      | 13 | 4                | 3  | 42       | 13 | 4                | 3  |

| III.        | Học sinh                                                        | Tổng số |    |                  |    | Công lập |    |                  |    |
|-------------|-----------------------------------------------------------------|---------|----|------------------|----|----------|----|------------------|----|
|             |                                                                 | Tổng số | Nữ | Dân tộc thiểu số |    | Tổng số  | Nữ | Dân tộc thiểu số |    |
|             |                                                                 |         |    | Tổng             | Nữ |          |    | Tổng             | Nữ |
|             | - 8 tuổi                                                        | 32      | 13 | 7                | 4  | 32       | 13 | 7                | 4  |
|             | - 9 tuổi                                                        | 45      | 23 | 7                | 4  | 45       | 23 | 7                | 4  |
|             | - 10 tuổi                                                       | 40      | 17 | 9                | 4  | 40       | 17 | 9                | 4  |
|             | - Trên 10 tuổi                                                  | 8       | 4  | 4                | 3  | 8        | 4  | 4                | 3  |
|             | <b>Trong đó học sinh đi học đúng tuổi</b>                       | 169     | 69 | 29               | 15 | 169      | 69 | 29               | 15 |
|             | - Học sinh 6 tuổi học lớp 1                                     | 24      | 9  | 4                | 2  | 24       | 9  | 4                | 2  |
|             | - Học sinh 7 tuổi học lớp 2                                     | 39      | 13 | 4                | 3  | 39       | 13 | 4                | 3  |
|             | - Học sinh 8 tuổi học lớp 3                                     | 29      | 13 | 7                | 4  | 29       | 13 | 7                | 4  |
|             | - Học sinh 9 tuổi học lớp 4                                     | 38      | 18 | 6                | 3  | 38       | 18 | 6                | 3  |
|             | - Học sinh 10 tuổi học lớp 5                                    | 39      | 16 | 8                | 3  | 39       | 16 | 8                | 3  |
| <b>3.5.</b> | <b>Trong tổng quy mô có:</b>                                    | 191     | 79 | 35               | 20 | 191      | 79 | 35               | 20 |
|             | - Học sinh mới tuyển đầu cấp                                    | 27      | 9  | 4                | 2  | 27       | 9  | 4                | 2  |
|             | Trong đó học sinh 6 tuổi vào lớp 1                              | 24      | 9  | 4                | 2  | 24       | 9  | 4                | 2  |
|             | - Học sinh lưu ban năm học trước đang học lại trong năm học này | 2       | 1  |                  |    | 2        | 1  |                  |    |
|             | + Lưu ban lớp 1                                                 | 1       |    |                  |    | 1        |    |                  |    |
|             | + Lưu ban lớp 2                                                 |         |    |                  |    |          |    |                  |    |
|             | + Lưu ban lớp 3                                                 | 1       | 1  |                  |    | 1        | 1  |                  |    |
|             | + Lưu ban lớp 4                                                 |         |    |                  |    |          |    |                  |    |
|             | + Lưu ban lớp 5                                                 |         |    |                  |    |          |    |                  |    |
|             | - Học sinh học 2 buổi/ngày                                      | 191     | 79 | 35               | 20 | 191      | 79 | 35               | 20 |
|             | - Học sinh dân tộc bản trú                                      |         |    |                  |    |          |    |                  |    |
|             | - Học sinh khuyết tật học hòa nhập                              | 13      | 6  | 5                | 4  | 13       | 6  | 5                | 4  |
|             | Trong đó :                                                      |         |    |                  |    |          |    |                  |    |
|             | + Khuyết tật về nhìn                                            |         |    |                  |    |          |    |                  |    |
|             | + Khuyết tật về nghe, nói                                       |         |    |                  |    |          |    |                  |    |
|             | + Khuyết tật về trí tuệ                                         | 13      | 6  | 5                | 4  | 13       | 6  | 5                | 4  |
|             | - Học sinh học tin học                                          | 121     | 56 | 26               | 14 | 121      | 56 | 26               | 14 |

| Tuổi      | Quy mô học sinh chia theo tuổi |    |                  |    |         |    |                  |    |         |    |                  |    |         |    |                  |    |         |    |                  |    |         |    |                  |   |
|-----------|--------------------------------|----|------------------|----|---------|----|------------------|----|---------|----|------------------|----|---------|----|------------------|----|---------|----|------------------|----|---------|----|------------------|---|
|           | Tổng quy mô học sinh           |    |                  |    | Lớp 1   |    |                  |    | Lớp 2   |    |                  |    | Lớp 3   |    |                  |    | Lớp 4   |    |                  |    | Lớp 5   |    |                  |   |
|           | Tổng số                        | Nữ | Dân tộc thiểu số |    | Tổng số | Nữ | Dân tộc thiểu số |    | Tổng số | Nữ | Dân tộc thiểu số |    | Tổng số | Nữ | Dân tộc thiểu số |    | Tổng số | Nữ | Dân tộc thiểu số |    | Tổng số | Nữ | Dân tộc thiểu số |   |
|           |                                |    | Tổng             | Nữ |         |    | Tổng             | Nữ |         |    | Tổng             | Nữ |         |    | Tổng             | Nữ |         |    | Tổng             | Nữ |         |    |                  |   |
| Tổng cộng | 191                            | 79 | 35               | 20 | 28      | 9  | 4                | 2  | 42      | 14 | 5                | 4  | 38      | 19 | 9                | 6  | 39      | 19 | 7                | 4  | 44      | 18 | 10               | 4 |
| 6         | 24                             | 9  | 4                | 2  | 24      | 9  | 4                | 2  |         |    |                  |    |         |    |                  |    |         |    |                  |    |         |    |                  |   |
| 7         | 42                             | 13 | 4                | 3  | 3       |    |                  |    | 3<br>9  | 13 | 4                | 3  |         |    |                  |    |         |    |                  |    |         |    |                  |   |
| 8         | 32                             | 13 | 7                | 4  | 1       |    |                  |    | 2       |    |                  |    | 29      | 13 | 7                | 4  |         |    |                  |    |         |    |                  |   |
| 9         | 45                             | 23 | 7                | 4  |         |    |                  |    |         |    |                  |    | 7       | 5  | 1                | 1  | 38      | 18 | 6                | 3  |         |    |                  |   |
| 10        | 40                             | 17 | 9                | 4  |         |    |                  |    |         |    |                  |    | 1       | 1  | 1                | 1  |         |    |                  |    | 39      | 16 | 8                | 3 |
| 11        | 7                              | 4  | 4                | 3  |         |    |                  |    | 1       | 1  | 1                | 1  |         |    |                  |    | 1       | 1  | 1                | 1  | 5       | 2  | 2                | 1 |
| 12        | 1                              |    |                  |    |         |    |                  |    |         |    |                  |    | 1       |    |                  |    |         |    |                  |    |         |    |                  |   |

| IV. | Cán bộ quản lý,<br>Giáo viên, Nhân viên | Công lập |                              |                        |                   |    |                  |     |
|-----|-----------------------------------------|----------|------------------------------|------------------------|-------------------|----|------------------|-----|
|     |                                         | Tổng số  | Phân loại                    |                        |                   | Nữ | Dân tộc thiểu số |     |
|     |                                         |          | Viên chức                    |                        | Hợp đồng lao động |    | Tổng số          | N ữ |
|     |                                         |          | HĐLV không xác định thời hạn | HĐLV xác định thời hạn |                   |    |                  |     |
|     | Tổng số                                 | 21       | 20                           | 1                      |                   | 7  | 3                | 2   |
| 4.1 | Cán bộ quản lý                          | 2        | 2                            |                        |                   |    |                  |     |
|     | Hiệu trưởng                             | 1        | 1                            |                        |                   |    |                  |     |
|     | - Đại học sư phạm                       | 1        | 1                            |                        |                   |    |                  |     |
|     | Phó hiệu trưởng                         | 1        | 1                            |                        |                   |    |                  |     |
|     | - Đại học sư phạm                       | 1        | 1                            |                        |                   |    |                  |     |
| 4.2 | Giáo viên                               | 16       | 15                           | 1                      |                   | 6  | 3                | 2   |
|     | - Đại học sư phạm                       | 16       | 15                           | 1                      |                   | 6  | 3                | 2   |
|     | Chia theo độ tuổi                       | 16       | 15                           | 1                      |                   | 6  | 3                | 2   |
|     | + Từ 30 - 39 tuổi                       | 4        | 3                            | 1                      |                   | 3  | 3                | 2   |
|     | + Từ 40 - 49 tuổi                       | 5        | 5                            |                        |                   | 2  |                  |     |
|     | + Từ 50 - 54 tuổi                       | 7        | 7                            |                        |                   | 1  |                  |     |
| 4.3 | GV tổng phụ trách                       | 1        | 1                            |                        |                   | 1  |                  |     |
| 4.4 | Nhân viên                               | 2        | 2                            |                        |                   |    |                  |     |
|     | Chia ra :                               |          |                              |                        |                   |    |                  |     |
|     | - Thư viện, thiết bị                    | 1        | 1                            |                        |                   |    |                  |     |
|     | - Nhân viên kiêm                        | 1        | 1                            |                        |                   |    |                  |     |

|  |            |  |  |  |  |  |  |  |
|--|------------|--|--|--|--|--|--|--|
|  | nhiều việc |  |  |  |  |  |  |  |
|--|------------|--|--|--|--|--|--|--|

### 3. Cơ sở vật chất- trang thiết bị

- Tổng số phòng học 15 phòng (kiên cố: 15 phòng, BKC 0 phòng)
- Khu hiệu bộ 08 phòng
- Bàn ghế dạy và học:
  - + Bàn ghế GV: 15 bộ
  - + Bàn ghế học sinh: 120 bộ
- Bảng chống lóa: 15 cái
- Nhà vệ sinh: 03
- Nhà để xe: 01

## **B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

Năm học 2024 - 2025 thực hiện chủ đề năm học “ đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương”; năm học tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; phát huy hiệu quả, tiếp tục thực hiện nội dung các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện thực tế địa phương.

Tiếp tục chỉ đạo việc quản lý, tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh; điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học; tăng cường giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống; đổi mới đồng bộ phương pháp dạy, phương pháp học và kiểm tra, đánh giá; tăng cường cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;

Công nghệ giáo dục; tích cực triển khai dạy học ngoại ngữ theo chương trình mới; duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý chỉ đạo, xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; đề cao trách nhiệm, khuyến khích sự sáng tạo của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý.

### **II. CÁC GIẢI PHÁP**

#### **1. Công tác chính trị, tư tưởng & đạo đức lối sống**

##### **1.1. Yêu cầu**

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05- CT/TW của Bộ Chính trị về cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện nghiêm túc các cuộc vận động lớn của ngành tiếp tục phát huy và hưởng ứng 2 cuộc vận động lớn của ngành “ Cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh”, “ Cuộc vận động 2 không với 4 nội dung”, cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”.

## 1.2. Biện pháp

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động: "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh" trong các môn học và hoạt động giáo dục ở cấp tiểu học.

- Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo (QĐ 16), coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, học tập và sáng tạo, ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo.

## 1.3. Chỉ tiêu:

- 100% GV không vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo
- 100% GV chấp hành chủ trương, chính sách địa phương
- 100% GV đạt gia đình văn hóa.

## 2. Công tác phát triển – duy trì sĩ số

### 2.1. Yêu cầu

- Tuyên truyền sâu rộng trong GV, Phụ huynh hiểu rõ điều lệ trường tiểu học, luật giáo dục, hưởng ứng tốt ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường.

- Giữ vững tỉ lệ chuyên cần hàng ngày, duy trì sĩ số đến cuối năm.

### 2.2. Biện pháp

- Đầu năm học liên hệ với chính quyền địa phương tuyên truyền bằng nhiều hình thức đến tận phụ huynh để huy động trẻ trong độ tuổi từ 6 - 14 tuổi đến trường "hưởng ứng tốt ngày toàn dân đưa trẻ đến trường".

- Thường xuyên kiểm tra sĩ số, liên hệ kịp thời đối với học sinh thường xuyên nghỉ học, giữ vững tỉ lệ chuyên cần và duy trì sĩ số đến cuối năm.

### 2.3. Chỉ tiêu:

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1
- Huy động 100% trở lên trẻ trong độ tuổi (6-14 tuổi) đến trường.
- Trẻ em 11 tuổi HTCTTH 97%
- Học sinh bỏ học dưới 1%

## 3. Công tác dạy và học

### 3.1. Thực hiện kế hoạch giáo dục và kế hoạch thời gian năm học

#### a. Thực hiện kế hoạch giáo dục

. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Kế hoạch dạy học và giáo dục đối với lớp học 2 buổi/ngày.

Hoạt động trải nghiệm đối với lớp (3 tiết/tuần) được thực hiện phù hợp điều kiện thực tế địa phương và nhà trường (truyền thống văn hóa, nghề nghiệp địa phương, năng lực giáo viên và thiết bị dạy học của nhà trường).

Thực hiện việc dạy học 2 buổi/ngày đồng loạt ở tất cả 10 lớp.

b. Hình thức tổ chức và phân công nhiệm vụ giáo viên

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày cho cả 100% học sinh toàn trường, sáng dạy 4 tiết từ 7h đến 10h10'; buổi chiều dạy 3 tiết từ 14h đến 16h 20.

- Mỗi giáo viên phụ trách chủ nhiệm 1 lớp.

c. Kế hoạch thời gian năm học:

+ Ngày tựu trường: 26/8/2024

+ Ngày khai giảng : 05/9/2025

+ Ngày vào chương trình: 09/9/2024

+ Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học ngày 26/5/2025.

Năm học 2024-2025 chia làm 2 học kỳ:

+ Học kỳ I: từ 05/9/2023 đến 11/01/2025, gồm 18 tuần thực học.

Thời gian nghỉ tết Nguyên Đán: (từ ngày 27/01/2025 đến hết ngày 08/02/2025).

+ Học kỳ II: từ 13/01/2025 đến trước ngày 24/5/2025, gồm 17 tuần thực học.

3.2. Đổi mới phương pháp dạy học - nâng cao chất lượng đội ngũ

a. Yêu cầu

- Đổi mới phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của giáo viên.

- Giao lưu học tập trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn với đơn vị bạn. -

Phát huy phong trào dạy tốt – học tốt.

- Tổ chức dự giờ - thao giảng học tập lẫn nhau.

b. Biện pháp

- Tổ chức cho 100% GV nghiên cứu các văn bản mới và các văn bản hiện hành có liên quan đến chuyên môn. Tham gia các cuộc bồi dưỡng chuyên môn do Phòng giáo dục tổ chức, tập trung bàn và mở chuyên đề ở khối.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các buổi SHCM. Nội dung SHCM của các tổ khối cần sát với thực tế giảng dạy của khối. Nội dung SHCM cần tập trung để đưa ra các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học theo công văn 1315 của BGDDT ngày 16 tháng 4 năm 2020, về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

- Tổ chức cho GV thao giảng, dự giờ rút kinh nghiệm lẫn nhau nhằm nâng cao trình độ chuyên môn để GV được dự giờ nhiều khối lớp với nhiều môn học khác nhau.

- Khuyến khích GV giảng dạy trình chiếu powerpoint bài giảng điện tử; thực hiện có hiệu quả hồ sơ , sổ sách điện tử trên phần mềm VnEdu như: học bạ số, sổ tổng hợp chất lượng giáo dục, kế hoạch bài dạy, sổ chủ nhiệm.....

- Quản lý tốt việc dạy của thầy, việc học của trò. Kiểm tra đánh giá tay nghề của GV bằng nhiều hình thức: Dự giờ báo trước, đột xuất, khảo sát chất lượng học tập của HS coi trọng việc đánh giá kết quả học tập của HS. Lấy kết quả của trò để đánh giá tay nghề của thầy, cô.

- Tiếp tục phát động phong trào thi đua làm ĐDDH tự tạo.

- Đưa GV đi giao lưu đơn vị bạn.

c. Chỉ tiêu:

### **1. Tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học**

- 100% số tiết dạy có sử dụng đồ dùng dạy học.
- 100% giáo viên thực hiện được đa dạng hóa các hình thức học tập.
- Không còn tình trạng dạy chay, sử dụng trình chiếu PowerPoint ở những lớp có đủ điều kiện, giáo viên có sáng tạo trong dạy học

### **2. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch chuyên môn**

- 100% GV được tham dự sinh hoạt chuyên môn 2 tuần/lần/tháng.
- 100% GV đều được thao giảng 01 tiết/1 năm học.
- 100% tổ chuyên môn SHCD 2 lần/năm.
- 100% GV có đủ hồ sơ chuyên môn.
- Mỗi giáo viên được BGH TKT dự giờ ít nhất 1tiết/ tháng.
- BGH-TKT duyệt hồ sơ GV đầu hàng tháng hoặc đột xuất.

### **3. Phát triển tinh thần tự học, tự rèn luyện của GV- HS**

- 100% GV có đề tài nghiên cứu khoa học (viết SKKN, chuyên đề) cấp trường.
- Tổ chức được 2 chuyên đề /tổ/năm bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao tay nghề cho giáo viên..

- 100% GV được tham gia phong trào thi đua hai tốt do nhà trường phát động.

### **4. Dạy học có hiệu quả**

- Tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 1%.
- 50% giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường (5 GV).
- 30% giáo viên dạy giỏi cấp Thị xã ( 3 GV).
- 100% giáo viên được tập huấn (sinh hoạt chuyên môn) trong năm học.

**5. Giáo viên thực hiện tốt thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 và có hiệu lực ngày 20 tháng 10 năm 2020, về việc ban hành qui định đánh giá học sinh tiểu học.**

- 100% giáo viên thông hiểu và thực hiện nghiêm túc tinh thần thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 và có hiệu lực ngày 20 tháng 10 năm 2020, về việc ban hành qui định đánh giá học sinh tiểu học.

- 100% học sinh được đánh giá, đúng tinh thần các thông thông tư của bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo.

- 100% giáo viên thực hiện tốt việc bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên theo chỉ tiêu đề ra.

### **CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NĂM HỌC: 2024-2025**

#### **\* Về học tập và hoạt động giáo dục.**

- Học sinh khen thưởng hoàn thành xuất sắc: 77/191 học sinh tỷ lệ 40,3%
- Học sinh khen thưởng hoàn thành tốt: 10/191 học sinh tỷ lệ 5,2%
- Học sinh được đánh giá hoàn thành : 119/191 học sinh tỷ lệ 54,5%



- Học sinh được đánh giá chưa hoàn thành : 2/191 học sinh tỷ lệ 1%

### 3.3. Hoạt động học tập:

#### a. Yêu cầu

- Xây dựng động cơ học tập cho học sinh, xây dựng nề nếp học tập.
- Học sinh có ý thức bảo quản tập, sách, sạch đẹp.
- Phát huy tích cực tính tự giác của học sinh.
- Thường xuyên kiểm tra chất lượng để thúc đẩy học sinh tham gia vào hoạt động học tập nhằm nâng cao chất lượng.

#### b. Biện pháp

- Tuyên truyền giáo dục học sinh có ý thức học tập thông qua các hoạt động.
- Vận động học sinh tích cực thực hiện tốt các phong trào "xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực", "trường học hạnh phúc".
- Có kế hoạch tổ chức cho học sinh vui chơi giải trí.
- Tổ chức tốt các tiết hoạt động trải nghiệm.
- Tổ chức thi đua trong học sinh tiết học tốt.
- Tổ chức cho học sinh giữ gìn, vở sạch và viết chữ đẹp.
- Thường xuyên liên hệ với gia đình cha mẹ học sinh (thông qua sổ liên lạc thăm gia đình học sinh).
- Phụ đạo học sinh học chưa hoàn thành ở tất cả các khối, lớp.
- Xây dựng và hình thành cho học sinh có góc học tập và lập thời gian biểu hạn chế học sinh nghỉ học và bỏ học.

#### c. Chỉ tiêu

##### **1. Thông qua bài kiểm tra, đánh giá học sinh để thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.**

- 100 % Học sinh xếp loại năng lực và phẩm chất Đạt .
- 99 → 100% học sinh được lên lớp thẳng (cuối tháng 5).
- Không có học sinh bỏ học do học chưa tốt.
- 100% học sinh chưa hoàn thành các môn học được giúp đỡ kịp thời.

##### **2. Phát huy tinh thần học tập tích cực của học sinh**

- Tỷ lệ chuyên cần của khối đạt trên 90%.
- 100% học sinh được tham gia học tập cùng nhau và được phát biểu ý kiến trong học tập.

- 70% học sinh có góc học tập tại nhà.

##### **3. Học sinh được phát triển năng lực học tập**

- 100% học sinh có thói quen học tập.
- Có 99% học sinh hoàn thành các môn học và 100% học sinh đạt về năng lực, phẩm chất.
- Không có học sinh thụ động trong giờ học.

##### **4. Không có học sinh lên lớp không đáp ứng yêu cầu cần đạt.**

- 100% lớp học làm tốt việc bàn giao học sinh.
- 100% học sinh lên lớp đáp ứng đủ yêu cầu cần đạt.

## **5. Phong trào VSCĐ**

### **a. Yêu cầu**

- Rèn luyện chữ viết cho học sinh.
- Thúc đẩy phong trào viết chữ đẹp trong nhà trường.
- Học sinh biết trình bày bài học đúng qui định.

### **b. Biện pháp**

- Duy trì triển khai và thực hiện tốt việc viết đúng mẫu chữ trong GV và HS, kiểm tra thường xuyên việc rèn chữ giữ vở của HS. Lồng ghép nội dung rèn chữ của GV vào các buổi SHCM.

- Lựa chọn GV bồi dưỡng đội tuyển chữ viết phải là GV có chữ viết chuẩn, có kinh nghiệm về rèn chữ, có tinh thần trách nhiệm và có tính kiên trì, để lựa chọn HS tham gia thi HS viết chữ đẹp các cấp. Mỗi GVCN là một GV bồi dưỡng chữ viết cho HS ngay tại lớp học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi chữ viết đẹp HS cấp trường và có đánh giá khen thưởng, rút kinh nghiệm.

- Đưa nội dung đánh giá xếp loại VSCĐ của HS và xếp loại hồ sơ kế hoạch bài dạy của GV là một trong những tiêu chí xếp loại thi đua.

### **c. Chỉ tiêu:**

- 100% GV đứng lớp đạt chữ viết chuẩn và kế hoạch bài dạy có chất lượng.
- 8-10 % học sinh đạt viết chữ đẹp cấp trường.
- Có học sinh đạt viết chữ đẹp cấp thị xã.
- 50-60 % HS viết đúng mẫu chữ quy định và đạt yêu cầu về VSCĐ.

## **5. Chương trình sách và thiết bị trường học**

### **5.1. Chương trình**

#### **a. Yêu cầu**

Thực hiện thông tư 32/2018-TT BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng BGDĐT; Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **b. Biện pháp**

- Hiệu trưởng giao quyền cho giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, từng bài tùy điều kiện, trình độ học sinh, có thể giảm hoặc tăng thời gian tiết dạy để cho học sinh nắm bài nhưng phải đảm bảo đạt yêu cầu về kiến thức cơ bản theo quy định.

- Thực hiện dạy tích hợp giáo dục: giáo dục an toàn giao thông, giáo dục địa phương, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục Stem... đảm bảo tính hợp lý, hiệu quả trong dạy học tích hợp các nội dung giáo dục.

### **5.2. Sách cho học sinh và giáo viên**

#### **a. Yêu cầu**

- Sách giáo khoa quy định tối thiểu đối với mỗi học sinh như sau:
- + Mỗi HS tối thiểu phải có bộ SGK, bộ đồ dùng học Toán và Tiếng Việt

- Sách giáo khoa & ĐDDH đối với GV:
- + Mỗi GV lớp phải có đủ 3 đầu sách SGK theo chương GDPT 2018 ( sách Chân trời sáng tạo; kết nối tri thức với cuộc sống; sách cánh diều), SGV, sách tham khảo phục vụ cho giảng dạy

#### b. Biện pháp

- Trường sẽ kiểm tra sách giáo khoa và sách giáo viên đủ để cung cấp cho giáo viên theo quy định.

- Giáo viên chủ nhiệm: Kiểm tra sách học sinh nếu các em thiếu mà không đủ tiền mua, giáo viên vận động xã hội hóa hoặc liên hệ thư viện mượn sách giáo khoa dùng chung cho các em, tuyệt đối không để các em thiếu sách giáo khoa theo quy định.

- Giáo viên chủ nhiệm kết hợp với cha mẹ học sinh nhắc nhở các em mang và sử dụng sách, vở đồ dùng học tập theo đúng thời khóa biểu hằng ngày.

#### c. Chỉ tiêu

- 100% GV có đủ SGK, sách hướng dẫn.
- 100% HS đủ SGK, đồ dùng học tập.
- Đủ danh mục sách tham khảo, xây dựng tủ sách phục vụ công tác dạy và học.

### **5.3. Thiết bị dạy học**

#### a. Yêu cầu

- Giáo viên mượn và tự làm ĐDDH, khai thác và tận dụng hiệu quả các đồ dùng hiện có, khuyến khích giáo viên làm quen với phần mềm dạy học, làm đồ dùng để phục vụ việc giảng dạy thêm phong phú.

#### b. Biện pháp

- Cán bộ thư viện thiết bị sẽ kiểm tra lại toàn bộ thiết bị hiện có, nếu thiếu sẽ đề nghị trang bị thêm theo danh mục tối thiểu, đầu năm phát thiết bị xuống tận lớp, hàng tháng kiểm tra việc thực hiện báo cáo.

- Thường xuyên kiểm tra sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên.

- Chuyên môn sẽ kết hợp với công đoàn tổ chức mỗi năm học thi đồ dùng dạy học tự làm 1 lần/ năm.

#### c. Chỉ tiêu

- Mỗi khối có ít nhất 01 bộ đồ dùng dạy học tự làm (Toán và Tiếng Việt).
- 100% GV mượn và sử dụng ĐDDH có hiệu quả.
- 100% các khối lớp có đủ ĐDDH.

### **6. Xây dựng trường học hạnh phúc**

#### **6.1. Mục tiêu**

Năm học 2024-2025 trường tập trung thực hiện trường học hạnh phúc có 3 tiêu chí quan trọng có tính cốt lõi là: yêu thương, an toàn và tôn trọng. Cụ thể, về tiêu chí yêu thương đó là sự quan tâm, chia sẻ, tin tưởng, hỗ trợ và bao trùm lên là bao dung.

#### **6.2. Biện pháp**

- Tổ chức thảo luận kế hoạch triển khai của ngành và tỉnh vào đầu năm học

trong đó bàn về giải pháp xây dựng trường học hạnh phúc. Phát động phong trào xây dựng trường học hạnh phúc trong buổi lễ khai giảng năm học 2024-2025.

- Thành lập ban tổ chức, xây dựng kế hoạch thực hiện, phát động thi đua.
- Phối hợp với đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện.
- Tổng kết rút kinh nghiệm, tiếp tục đăng ký các tiêu chí tiếp theo.

### **6.3. Chỉ tiêu**

#### **a. Trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn**

- 100% các lớp có trang trí, có rèm che mát.
- Có 100% lớp học trung kiềng xanh (dây leo) theo cửa sổ.
- 100% Lớp tham gia trồng và chăm sóc cây xanh.
- 100% học sinh được sinh hoạt, học tập an toàn và có ý thức bảo vệ môi trường.
- 100% học sinh được yêu thương, an toàn và tôn trọng.

#### **b. Rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh**

- 100% Học sinh có thói quen tự phục vụ và được học tập quy tắc ứng xử hàng ngày (xung hô, chào hỏi, thái độ, hành vi...thể hiện sự tập trung, thành thật, kính trọng...).
- 100% học sinh có thói quen chào hỏi, biết xin lỗi, cảm ơn khi cần thiết.
- 100% học sinh được tham gia phong trào do nhà trường tổ chức.

#### **c. Tổ chức các hoạt động tập thể, vui chơi lành mạnh**

- 100% học sinh được tham gia các trò chơi dân gian do lớp tổ chức.
- 100% các lớp học có tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống.
- 100% các giờ dạy học được tổ chức theo tinh thần “thân thiện, tích cực”.

#### **d. Học sinh được tìm hiểu, chăm sóc, phát huy giá trị di tích lịch sử**

- 100% học sinh tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa do trường, lớp tổ chức.
- 100% các lớp học làm tốt việc giảng dạy lịch sử địa phương.

### **7. Công tác Ngoại khóa – Công tác Đội và phong trào thiếu nhi**

#### **7.1. Nội dung**

- Tạo sân chơi lành mạnh cho học sinh
- Giáo dục tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

#### **7.2. Biện pháp**

- Nâng cao hiệu quả hoạt động Hội đồng Đội, GV-TPT Đội.
- Nâng cao trách nhiệm của GVCN với công tác Đội. Mỗi GV là một thành viên của Hội đồng Đội nhà trường.
- Xây dựng kế hoạch về nội dung và hình thức tổ chức tiết trải nghiệm đầu tuần cho cả năm học; phân công cụ thể từng GV phụ trách từng nội dung và triển khai luyện tập.
- Làm tốt công tác phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức Đoàn thể và phụ huynh học sinh để nhằm kết hợp tốt 3 môi trường giáo dục: gia đình – nhà trường – xã hội.
- Các khối lớp tổ chức tốt các sân chơi ngoại khóa đảm bảo cho HS cả lớp được tham gia với phương châm HS tự thiết kế, tự sáng tạo, tự quản, tự tổ chức đối với HS khối 3, 4, 5, còn khối 1, 2 có giáo viên.

- Lồng ghép các nội dung rèn kỹ năng sống, rèn luyện sức khỏe vào các tiết SHTT, TNXH, khoa học.....

- Duy trì tốt hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”; “Uống nước nhớ nguồn” bằng những việc làm cụ thể như:

+ Tổ chức tặng quà cho HS thuộc diện chính sách nhân các ngày lễ lớn: Tết Trung thu, Tết Nguyên Đán, Quốc tế thiếu nhi 1/6.

+ Tổ chức thăm hỏi các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng nhân ngày lễ lớn và ngày thương binh liệt sĩ 27/7

### 7.3. Chỉ tiêu

- 100% các lớp tổ chức tốt sân chơi ngoại khóa
- 80 - 85% Nhi đồng đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ
- 100% Nhi đồng thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy
- 100% HS các lớp tham gia phong trào kế hoạch nhỏ do TPT phát động
- GV-TPT đăng ký thi GV-TPT Đội giỏi, có SKKN
- 100% chi Đội đạt chi Đội vững mạnh.
- 100% GV- HS ký cam kết "Không sử dụng, không buôn bán tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy, không dung túng bao che cho tội phạm và tệ nạn ma túy"
- Tổ chức tốt chuyên đề ngoại khoá cấp trường
- Tổ chức tốt Lễ khai giảng, Tết Trung thu, Hội khỏe Phù Đổng,...

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Chuyên môn chịu trách nhiệm lên kế hoạch chỉ đạo, theo dõi thực hiện Dạy - học trong nhà trường, tổ chức sơ kết, tổng kết đúc rút kinh nghiệm và hoàn thành các báo cáo.

- GVCN, bộ môn, các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu trong kế hoạch.

#### \* KẾ HOẠCH HÀNG THÁNG

| Thời gian     | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tháng 9/2024  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức ngày “Toàn dân đưa trẻ đến trường”, Khai giảng năm học</li> <li>- Nắm tình hình chất lượng HS đầu năm.</li> <li>- Thăm điểm dự giờ, kiểm tra tình hình học tập của học sinh (100% lớp).</li> <li>- Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học năm 2024-2025.</li> <li>- Nộp báo cáo thống kê đầu năm học theo mẫu cho Phòng Giáo dục</li> <li>- Kiểm tra nền nếp dạy học, trang trí lớp.</li> <li>- Đại hội phụ huynh các điểm.</li> <li>- <b>Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người lao động năm học: 2024 -2025</b></li> </ul> |
| Tháng 10/2024 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức xét chọn và luyện tập cho HS chuẩn bị thi vở sạch chữ đẹp.</li> <li>- Dự giờ 100 giáo viên, đột xuất, kiểm tra HS chưa đạt.</li> <li>- Sinh hoạt chuyên đề theo nghiên cứu bài học.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

|               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ 4, 5 triển khai chuyên đề cấp trường.</li> <li>- Tham gia Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường.</li> <li>- Tổ chức thi đồ dùng dạy học cấp trường.</li> <li>- Đại hội phụ huynh trường.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Tháng 11/2024 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11</li> <li>- Thi VSCĐ cấp trường, xét giáo viên CNG gửi PGD.</li> <li>- Tổ 3, triển khai chuyên đề cấp trường.</li> <li>- Kiểm tra giữa kỳ 1 khối 4-5 môn Toán + Tiếng việt.</li> <li>- Dự giờ kiểm tra HS chưa đạt.</li> <li>- Thi giáo viên dạy giỏi cấp trường.</li> </ul>                                                                                                                                                                |
| Tháng 12/2024 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12: dâng hương đài liệt sĩ...</li> <li>- Sinh hoạt chuyên đề, dự giờ, kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo.</li> <li>- Tổ 2 triển khai chuyên đề cấp trường.</li> <li>- Tham gia Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp thị xã .</li> </ul>                                                                                                                                                                                    |
| Tháng 01/2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạy hết chương trình tuần 18 (11/01/2025)</li> <li>- Kiểm tra cuối HK1(từ 02/01 – 06/01/2025).</li> <li>- Sơ kết học kì 1</li> <li>- Thực hiện dạy chương trình HKII 17 tuần( bắt đầu 13/01/2025 kết thúc 24/5/2025).</li> <li>- Báo cáo sơ kết học cuối kỳ 1 (theo Mẫu) về PGD.</li> <li>- Sinh hoạt chuyên đề, dự giờ, Kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo.</li> <li>- Dự giờ đột xuất, kiểm tra HS chưa đạt.</li> <li>- Nghi Tết âm lịch (27/01/2025 đến hết ngày 08/02/2025)</li> </ul> |
| Tháng 2/2025  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam 3/2.</li> <li>- Tham gia thi viết chữ đẹp cấp thị xã.</li> <li>- Tổ 1 triển khai chuyên đề cấp trường.</li> <li>- Kiểm tra HS chưa đạt.</li> <li>- Dự giờ, thao giảng, kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                |
| Tháng 3/2025  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức kiểm tra GHK2 khối 4-5 môn Toán+ Tiếng việt</li> <li>- Hoạt động chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3</li> <li>- Tổ 4-5 triển khai chuyên đề cấp trường</li> <li>-Sinh hoạt chuyên mô, dự giờ, kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo.</li> <li>- Tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp thị xã vòng 2</li> </ul>                                                                                                                                                                        |
| Tháng 4/2025  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thăm điểm dự giờ, kiểm tra tình hình học tập của học sinh.</li> <li>-Sinh hoạt chuyên đề, Kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Tháng 5/2025  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra cuối năm học 2024 – 2025( từ ngày 19/05-21/05/2025)</li> <li>- Bàn giao chất lượng các lớp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

|  |                                                             |
|--|-------------------------------------------------------------|
|  | - Báo cáo tổng kết năm học.<br>- Hoàn thành hồ sơ cuối năm. |
|--|-------------------------------------------------------------|

Trên đây là kế hoạch chuyên môn năm học 2024- 2025 đề nghị giáo viên nghiên cứu thực hiện trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh BGH sẽ thông báo cụ thể đến các bộ phận trong nhà trường./.

Nơi nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- Các Tổ trưởng, giáo viên (để t/h)
- Lưu VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**P. HIỆU TRƯỞNG**



**TRẦN VĂN VŨ**